

HỒ SƠ YÊU CẦU

**CUNG CẤP VẮC XIN PHỐI HỢP PHÒNG BỆNH
BẠCH HẦU, HO GÀ, UỐN VÁN, VIÊM GAN B,
VIÊM PHỔI/VIÊM MÀNG NÃO MỦ DO VI
KHUẨN HIB SỬ DỤNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH
TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG**

Số hiệu gói thầu: ĐPG.VX.2024

Tên gói thầu: Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib sử dụng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng

Phát hành ngày: Thứ Ba, ngày 07 tháng 10 năm 2024

Ban hành kèm theo Quyết định: Quyết định số /QĐ-TTMS
ngày tháng năm 2024

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

HỒ SƠ YÊU CẦU

**CUNG CẤP VẮC XIN PHỐI HỢP PHÒNG BỆNH
BẠCH HẦU, HO GÀ, UỐN VÁN, VIÊM GAN B,
VIÊM PHỔI/VIÊM MÀNG NÃO MỦ DO VI
KHUẨN HIB SỬ DỤNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH
TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG**

Số hiệu gói thầu: DPG.VX.2024
Tên gói thầu: Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib sử dụng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng
Phát hành ngày: Thứ Ba, ngày 07 tháng 10 năm 2024
Ban hành kèm theo Quyết định: Quyết định số /QĐ-TTMS ngày tháng năm 2024

**BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**



Lê Thành Công

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT HỒ SƠ YÊU CẦU

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN	
GIÁ.....	6
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU.....	6
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU	29
Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX	32
Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU	40
Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP	77
Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP	77
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	82
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	82
Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	88
Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	93
Phần 4. PHỤ LỤC: BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT⁽¹⁾.....	109

MÔ TẢ TÓM TẮT HỒ SƠ YÊU CẦU

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDX và thực hiện theo Chương I này. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDX, mở thầu, đánh giá HSDX và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu và thực hiện theo Chương II này.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ đề xuất và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ đề xuất.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp thuốc mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thu bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 4. PHỤ LỤC

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BĐL	Bảng dữ liệu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	Đồng Việt Nam

thaoip.ttms_NguyenPhuongThao_07/10/2024_18:25:41

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu, và thời gian thực hiện thỏa thuận khung, gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư/Đơn vị đàm phán giá quy định tại BDL phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm thuốc được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. Thuật ngữ “thuốc” được hiểu bao gồm thuốc hóa dược, thuốc phóng xạ, chất đánh dấu, vắc xin, sinh phẩm, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, dược liệu, vị thuốc cổ truyền và các loại khí được cấp số đăng ký lưu hành là thuốc.</p> <p>1.2. Tên gói thầu; dự án/dự toán mua sắm số lượng, số hiệu các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại BDL. Trường hợp gói thầu mua thuốc có nhiều mặt hàng thuốc mỗi mặt hàng thuốc thuộc gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị hoặc mỗi mặt hàng thuốc thuộc một nhóm thuốc của gói thầu thuốc generic hoặc gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền, bán thành phẩm dược liệu, vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa (theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8 và Điều 10 Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế) được coi là một phần độc lập của gói thầu.</p> <p>1.3 Thời gian hiệu lực thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu quy định tại BDL.</p>
<p>2. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL</p>
<p>3. Hành vi bị cấm</p>	<p>Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu năm 2023.</p>
<p>4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau:</p> <p>4.1. Đối với nhà thầu trong nước là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>4.2. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc;</p> <p>4.3. Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>4.4. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ,</p>

	<p>cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu năm 2023;</p> <p>4.6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>4.7. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>5. Tính hợp lệ của thuốc</p>	<p>5.1. Thuốc dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể:</p> <p>a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành còn hiệu lực tại Việt Nam. Trường hợp thuốc có số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện theo Mục 5.3 CDNT.</p> <p>b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016.</p> <p>c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp).</p> <p>5.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp quy định HSYC và Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.</p> <p>5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu theo quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc; về tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định tại BDL.</p> <p>5.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu được phép làm rõ theo quy định tại Mục 25 CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của HSYC</p>	<p>6.1 HSYC gồm có các Phần 1, 2, 3, 4 và cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC theo quy định tại Mục 7 và Mục 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán giá:</p> <p>Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</p> <p>Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</p> <p>Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;</p> <p>Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</p> <p>Chương V. Phạm vi cung cấp.</p> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng:</p>

	<p>Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. Phần 4. Phụ lục 6.2. Thông báo mời thầu/thông báo mời thầu theo hình thức đàm phán giá do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSYC. 6.3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC hay các tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT, biên bản hội nghị tiền đàm phán giá (nếu có) nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. Các tài liệu do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của Thông báo mời thầu/Thông báo mời thầu theo hình thức đàm phán giá, HSYC bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSYC, biên bản hội nghị tiền đàm phán giá (nếu có) để chuẩn bị HSDX theo yêu cầu của HSYC cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi HSYC</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSYC đã được sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC. 7.2. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSYC, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDX. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSYC, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p>
<p>8. Làm rõ HSYC</p>	<p>8.1. Trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và gửi văn bản làm rõ HSYC đến nhà thầu trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSYC theo quy định Mục 7.1 CDNT.</p>

	<p>8.2. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đàm phán giá để trao đổi về những nội dung trong HSYC mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đàm phán giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đàm phán giá mà không cần phải thông báo trước cho Bên mời thầu.</p> <p>Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSYC đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đàm phán giá.</p> <p>8.3 Trường hợp HSYC cần phải sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đàm phán giá, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đàm phán giá không phải là văn bản sửa đổi HSYC. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đàm phán giá hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đàm phán giá không phải là lý do để loại bỏ HSDX của nhà thầu.</p>
<p>9. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu</p>	<p>9.1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> <p>9.2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam (VND).</p> <p>9.3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX đều được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của HSDX</p>	<p>HSDX phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá theo quy định tại Mục 11 CDNT và Mẫu số 01 (a) hoặc Mẫu số 01 (b) tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14 CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT, nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và cung cấp các tài liệu sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đủ kinh doanh dược: Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc.</p> <p>b) Giấy chứng nhận thực hành tốt tùy theo từng loại hình kinh doanh: - GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc): Đối với cơ sở nhập khẩu trực tiếp thuốc.</p>

- GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc): Đối với cơ sở bán buôn thuốc.

- GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc): Đối với cơ sở sản xuất thuốc Nhà thầu cần ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mẫu số 15 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để phục vụ việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu và Mục 1 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Thông tin về việc đáp ứng và duy trì đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Các tài liệu trên do nhà thầu cung cấp khi tham dự thầu phải là bản sao có chứng thực.

10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, sửa đổi, làm rõ HSDX, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trong trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản sao có chứng thực của Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX.

10.6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Nhà thầu phải ghi thông tin cần thiết vào các mẫu số 08, mẫu số 09, mẫu số 10, mẫu số 11, mẫu số 13, mẫu số 14 trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSYC. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

Trường hợp nhà thầu dự thầu nhiều phần của gói thầu thì bảo đảm dự thầu, giá trị doanh thu yêu cầu bằng tổng bảo đảm dự thầu, giá trị doanh thu yêu cầu của từng phần dự thầu.

b) Thông báo trúng thầu hoặc hoá đơn bán thuốc hoặc hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế hoặc các tài liệu khác để chứng minh kinh nghiệm cung ứng thuốc để đánh giá theo quy định tại Mục 11 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;

c) Hoá đơn, chứng từ hợp lệ mua nguyên liệu kháng sinh sản xuất trong nước để sản xuất thuốc tham dự thầu để đánh giá theo quy định tại Mục 8 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Các thông tin do nhà thầu cung cấp phải kèm theo các tài liệu chứng minh khi tham dự thầu và là bản sao có chứng thực hoặc có đóng dấu xác nhận của nhà thầu đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

Riêng Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP, nhà thầu chỉ cần ghi thông tin theo quy định tại Mục 1 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. (Thông tin về Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP phải phù hợp với thông tin được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>).

10.7. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định tại Mục 5 CDNT: Nhà thầu phải ghi chi tiết các thông tin theo Mẫu số 16 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX để chứng minh rằng thuốc mà nhà thầu cung cấp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp. Kết quả đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc do nhà thầu tự đánh giá theo Mẫu số 18 và Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Các thông tin tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến mặt hàng thuốc do Bên mời thầu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu.

10.8. Đề xuất về giá bao gồm:

- Nhà thầu phải ghi chi tiết các thông tin theo Mẫu số 15, Mẫu số 16, Mẫu số 17 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các thông tin về giá cả, các tiêu chí kinh tế kỹ thuật cụ thể dự kiến áp dụng trong quá trình đàm phán giá thuốc, cụ thể:

- Giá xuất xưởng đối với thuốc sản xuất trong nước hoặc giá CIF (hoặc giá CIP) đối với thuốc nhập khẩu, giá bán cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại nước sản xuất và tại các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) do nhà thầu cung cấp (nếu có). Trường hợp không có giá tham khảo tại ASEAN thì cung cấp giá tại các quốc gia khác (nếu có). Đối với giá CIF, nhà thầu cung cấp tờ khai hải quan nhập khẩu (bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu) chứng minh đúng với giá CIF đã kê khai tại Mẫu số 17 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

- Giá bán cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại thị trường Việt Nam;

- Chỉ định điều trị của thuốc và đánh giá hiệu quả lâm sàng của thuốc trong điều trị; Báo cáo đánh giá so sánh hiệu quả lâm sàng trong điều trị khi dùng thuốc so với các thuốc tiêu chuẩn (nếu có);

- Các dữ liệu phân tích về kinh tế y tế của thuốc, bao gồm: chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích và chi phí - công dụng do nhà thầu cung cấp (nếu có);

- Cam kết và kế hoạch của nhà thầu về số lượng, chất lượng nguồn hàng và tiến độ cung cấp nếu trúng thầu.

	10.10. Các nội dung khác: Theo yêu cầu của Bên mời thầu khi cần thiết.
11. Đơn đề xuất và các bảng biểu	Nhà thầu phải lập Đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
12. Giá đề xuất và giảm giá	<p>12.1. Giá đề xuất ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá đề xuất do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá (chưa bao gồm giảm giá) bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>b) Một hoặc các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và một hoặc các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu nộp HSDX cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSYC và ghi đơn giá dự thầu cho từng mặt hàng thuốc theo Mẫu số 15 Chương IV.</p> <p>12.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn đề xuất (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p> <p>12.3. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.</p> <p>12.4. Trường hợp nhà thầu phát hiện số lượng của các mặt hàng thuốc nêu trong cột “Tên thuốc” tại biểu mẫu dự thầu của HSYC chưa chính xác so với yêu cầu nêu tại Phần 2. Yêu cầu phạm vi cung cấp, nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần số lượng sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần số lượng sai khác này vào Giá đề xuất.</p> <p>12.5. Các phần của gói thầu: Mỗi mặt hàng thuốc là một phần của gói thầu. Nhà thầu có thể tham gia một hoặc nhiều mặt hàng (phần gói thầu) thuốc trong gói thầu mà nhà thầu có khả năng cung cấp.</p>

	<p>Bên mời thầu đánh giá HSDX theo từng mặt hàng (phần gói thầu) mà nhà thầu tham dự, giá trị bảo đảm dự thầu là tổng giá trị bảo đảm dự thầu của từng mặt hàng mà nhà thầu tham dự.</p>
<p>13. Thời hạn có hiệu lực của HSDX</p>	<p>13.1. HSDX có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDX sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn. Nhà thầu chấp thuận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<p>14. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>14.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Nhà thầu phải nộp bản gốc bảo đảm dự thầu. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 04 (a) hoặc Mẫu số 04 (b) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDX được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 13.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại khoản 14.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 14.5 CDNT</p>

thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại khoản 14.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 14.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

14.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

14.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 14.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04 (a), Mẫu số 04 (b) Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

14.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn quy định tại **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5. Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

	<p>a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSYC, nhà thầu rút hồ sơ đề xuất hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSYC;</p> <p>b) Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu năm 2023 hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu năm 2023;</p> <p>c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 33 CDNT và Điều 68 của Luật Đấu thầu;</p> <p>d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>14.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>
<p>15. Quy cách chữ ký trong HSDX</p>	<p>15.1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc HSDX theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDX, một số USB có chứa tất cả các file mẫu biểu theo quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc và một số bản chụp HSDX sửa đổi hoặc thay thế theo quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ</p>

	<p>XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ".</p> <p>15.2. Bản gốc của HSDX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV. Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX.</p> <p>15.3. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản Thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>15.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất cung cấp thuộc theo hình thức đàm phán giá.</p>
<p>16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX</p>	<p>16.1. Túi đựng HSDX bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDX thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ". Các túi đựng: HSDX; HSDX sửa đổi, HSDX thay thế (nếu có); phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>16.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; Ghi tên và địa chỉ của người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại BDL; Ghi tên gói thầu; Ghi dòng chữ cảnh báo "KHÔNG ĐƯỢC MỞ TRƯỚC THỜI ĐIỂM MỞ THẦU" <p>16.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSYC trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu,</p>

	không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSYC theo hướng dẫn quy định tại khoản 16.1 và 16.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.
17. Thời điểm đóng thầu	<p>17.1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDX của tất cả các nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>17.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
18. HSDX nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.
19. Rút, thay thế và sửa đổi HSDX	<p>19.1. Sau khi nộp HSDX, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDX. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDX phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDX” hoặc “THAY THẾ HSDX” hoặc “RÚT HSDX”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17 CDNT.</p> <p>19.2. Trường hợp cần sửa đổi HSDX đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDX đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDX, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDX mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi EHSYC (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDX mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p>

	<p>19.3. HSDX mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 19.1 và 19.2 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>19.4. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDX mà nhà thầu đã ghi trong đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDX.</p>
<p>20. Mở thầu</p>	<p>20.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 18 và Mục 19 CDNT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại khoản 20.3 CDNT của tất cả HSDX đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>20.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDX thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDX”, túi đựng HSDX của nhà thầu có đề nghị rút HSDX sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDX và vẫn mở HSDX tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDX” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDX” và HSDX thay thế này sẽ được thay cho HSDX bị thay thế. HSDX bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDX nếu văn bản thông báo thay thế HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDX” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDX sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDX nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền. Chỉ có các HSDX được mở và đọc tại buổi mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>20.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p>

	<p>a) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>b) Mở bản gốc HSDX, HSDX sửa đổi (nếu có) hoặc HSDX thay thế (nếu có) và đọc to, rõ các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Tham dự độc lập hay liên danh; - Số lượng bản gốc, bản chụp; - Giá đề xuất ghi trong Biểu giá đề xuất; - Giá trị giảm giá (nếu có); - Thời gian có hiệu lực của HSDX; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Các thông tin khác liên quan. <p>Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá đề xuất và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.</p> <p>20.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Khoản b Mục 20.3 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>
<p>21. Nhà thầu phụ</p>	<p>21.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 12 Chương IV.</p> <p>21.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>21.3. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại E-BDL.</p>

	<p>21.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>21.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.6. Chủ đầu tư, Bên mời thầu không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMT; đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>22. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>22.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSYC;</p> <p>22.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSYC;</p> <p>22.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSYC.</p>
<p>23. Xác định tính đáp ứng của HSDX</p>	<p>23.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDX dựa trên nội dung của HSYC theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>23.2. HSDX đáp ứng cơ bản là HSDX đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSYC mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDX mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng thuộc; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSYC đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSYC.</p> <p>23.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDX theo quy định tại Mục 10.6, 10.7 Chương này nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp đã được đáp ứng và HSDX không có những sai khác, đặt điều kiện</p>

	<p>hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>23.4. Nếu HSDX không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSYC thì HSDX đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSYC.</p>
<p>24. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>24.1. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều hay bỏ sót nội dung trong HSYC.</p> <p>24.2. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản HSYC, Bên mời thầu, Tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDX liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá đề xuất. HSDX của nhà thầu sẽ bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Bên mời thầu.</p> <p>24.3. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC, Bên mời thầu, Tổ chuyên gia sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá đề xuất; giá đề xuất sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDX.</p>
<p>25. Đánh giá HSDX và làm rõ về các đề xuất của nhà thầu</p>	<p>25.1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Việc đánh giá HSDX được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDX không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDX của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p> <p>25.2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDX thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của HSDX.</p> <p>25.3. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài</p>

	<p>liệu về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, nhân sự, thiết bị thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDX (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), năng lực kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá đề xuất. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ được coi như một phần của HSDX. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.</p> <p>25.4 Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể mời nhà thầu đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung, thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.</p> <p>25.5. Sau khi đánh giá HSDX, Bên mời thầu phê duyệt danh sách các thuốc đáp ứng kỹ thuật đối với các nhà thầu có tư cách hợp lệ, đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm và có các thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ yêu cầu.</p>
<p>26. Tiến hành đàm phán giá thuốc</p>	<p>26.1. Việc xây dựng phương án đàm phán giá đối với thuốc căn cứ vào một hoặc một số hoặc toàn bộ các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Số lượng giấy đăng ký lưu hành của thuốc generic nhóm 1 theo quy định tại Thông tư quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (sau đây viết tắt là thuốc generic nhóm 1) hoặc các thuốc generic nhóm kỹ thuật khác trong trường hợp không có thuốc generic nhóm 1; b) Giá trúng thầu thuốc generic nhóm 1 hoặc các nhóm kỹ thuật khác trong trường hợp không có thuốc generic nhóm 1; c) Khả năng thay thế của thuốc đàm phán giá (trong trường hợp cần thiết); d) Thời gian lưu hành tại Việt Nam; đ) Thông tin về giá trị của thuốc đàm phán giá đã sử dụng do Bảo

hiểm xã hội Việt Nam cung cấp (nếu có);

e) Giá trị và số lượng kế hoạch của thuốc đàm phán giá;

g) Giá tham khảo của thuốc đàm phán giá tại các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (nếu có). Trường hợp không có giá tham khảo tại ASEAN thì tham khảo các quốc gia khác (nếu có);

h) Lộ trình gia công, chuyển giao công nghệ đối với các thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam;

i) Hồ sơ đề xuất của nhà thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất và tổng hợp thông tin thuốc đàm phán giá của tổ chuyên gia;

k) Các thông tin khác có liên quan (nếu có).

Căn cứ hồ sơ đề xuất của nhà thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất của tổ chuyên gia, Đơn vị đàm phán giá xây dựng phương án đàm phán giá đối với các thuốc thuộc danh sách thuốc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế trình Thủ trưởng Đơn vị đàm phán giá phê duyệt.

26.2. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị đàm phán giá xin ý kiến Tổ liên ngành đàm phán giá thuốc mời đại diện cơ sở sản xuất hoặc đại diện chủ sở hữu giấy phép lưu hành tại Việt Nam (bao gồm văn phòng đại diện) làm rõ các nội dung liên quan đến thuốc đàm phán giá.

26.3. Việc đàm phán giá được thực hiện theo một trong các hình thức: trực tiếp hoặc thông qua văn bản hoặc phối hợp hình thức trực tiếp và thông qua văn bản. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổ liên ngành quyết định lựa chọn hình thức đàm phán trực tiếp hoặc thông qua văn bản hoặc phối hợp hình thức trực tiếp và thông qua văn bản.

Đối với trường hợp áp dụng đàm phán giá trực tiếp, Đơn vị đàm phán giá là đầu mối tổ chức các cuộc họp đàm phán giá giữa Tổ liên ngành và nhà thầu; có trách nhiệm gửi thư mời đàm phán giá kèm theo mức giá mong muốn quy định tại phương án đàm phán giá được phê duyệt.

26.4. Tổ liên ngành thực hiện đàm phán giá đối với mỗi mặt hàng đã được phê duyệt phương án đàm phán giá.

26.5. Căn cứ phương án đàm phán giá được phê duyệt, Tổ liên ngành thực hiện đàm phán giá với nhà thầu theo nguyên tắc như sau:

a) Trường hợp phương án đàm phán giá chỉ có một mức giá:

- Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng với mức giá mong muốn: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

- Trường hợp nhà thầu đề xuất giá cao hơn mức giá mong muốn: Tổ liên ngành đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá đề xuất. Việc đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá được thực hiện tối đa 03 lần.

Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng với mức giá mong muốn: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

Trường hợp nhà thầu vẫn đề xuất giá cao hơn mức giá mong muốn: Tổ liên ngành xem xét, đề xuất về kết quả đàm phán.

b) Trường hợp phương án đàm phán giá có khoảng giá:

- Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng với mức giá mong muốn thấp nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

- Trường hợp nhà thầu đề xuất giá trong khoảng giá: Tổ liên ngành đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá đề xuất.

Căn cứ ý kiến của nhà thầu, Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá.

- Trường hợp nhà thầu đề xuất giá cao hơn mức giá cao nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá đề xuất. Việc đề nghị nhà thầu rà soát để điều chỉnh giá được thực hiện tối đa 03 lần.

Trường hợp nhà thầu đề xuất giá thấp hơn hoặc bằng mức giá cao nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành thống nhất mức giá của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

Trường hợp nhà thầu vẫn đề xuất giá cao hơn mức giá cao nhất trong khoảng giá: Tổ liên ngành xem xét, đề xuất về kết quả đàm phán.

26.6. Trường hợp nhà thầu đề xuất giá cao hơn giá đàm phán mong muốn, Tổ liên ngành đề nghị Đơn vị đàm phán giá thực hiện việc xin ý kiến về khả năng thay thế của thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm đàm phán giá bảo đảm nguyên tắc tổng số lượng nhu cầu của các đơn vị được xin ý kiến phải chiếm tối thiểu 50% tổng số lượng nhu cầu đề xuất:

a) Trường hợp có từ 70% trở lên các cơ sở y tế được tham khảo có ý kiến thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm cần thiết cho nhu cầu điều trị và không thể thay thế thì Tổ liên ngành thống nhất mức giá đề xuất của nhà thầu và kết thúc đàm phán giá;

b) Trường hợp có dưới 70% các cơ sở y tế được tham khảo có ý kiến thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm cần thiết cho nhu cầu điều trị và không thể thay thế thì Tổ liên ngành kết thúc đàm phán giá.

26.7. Tổ liên ngành thống nhất kết quả đàm phán giá, quyết định kết

	<p>thúc đàm phán giá trên cơ sở có ý kiến đồng thuận của ít nhất 2/3 thành viên Tổ liên ngành. Căn cứ kết quả đàm phán giá do Tổ liên ngành thực hiện (bằng biên bản hoặc kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến), Đơn vị đàm phán giá thông báo kết quả đàm phán giá.</p> <p>26.8. Trường hợp có từ 02 nhà thầu trở lên tham gia đàm phán giá cùng hoạt chất, nồng độ hoặc hàm lượng, dạng bào chế, sau khi đàm phán giá, căn cứ kết quả đàm phán, Đơn vị đàm phán giá đề nghị các nhà thầu chào lại giá; trong văn bản đề nghị chào lại giá phải nêu rõ thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ chào lại giá, thời điểm mở các hồ sơ chào lại giá đồng thời mời các nhà thầu tham dự mở hồ sơ chào lại giá. Hồ sơ chào lại giá của nhà thầu phải được niêm phong và không được mở trước thời điểm mở hồ sơ chào lại giá. Khi đề xuất lại giá, nhà thầu không được đề xuất giá cao hơn giá đã đàm phán trước đó. Nhà thầu có giá đề xuất lại thấp nhất được công nhận trúng thầu.</p> <p>26.9. Trường hợp thuộc dự thầu có thay đổi trong quá trình đàm phán giá hoặc thuộc trúng thầu có thay đổi trong quá trình cung ứng, Đơn vị đàm phán giá được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc nhằm bảo đảm cung ứng đủ thuốc phục vụ kịp thời công tác khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 05/2024/TT-BYT.</p>
<p>27. Điều kiện đề nghị trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>27.1. Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>27.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>27.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>27.4. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>27.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL;</p> <p>27.6. Có giá thống nhất thông qua đàm phán được Tổ liên ngành đề nghị công nhận trúng thầu. Giá đề nghị trúng thầu của từng mặt hàng thuốc không được cao hơn giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được người có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ các quy định khác về đấu thầu thuốc có liên quan.</p>
<p>28. Hủy thầu</p>	<p>28.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDX không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSYC;</p>

	<p>c) HSYC không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>28.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, d, đ Mục 28.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>28.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 28.1 CDNT.</p>
<p>29. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>29.1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 31 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ;</p> <p>b) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;</p> <p>Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có kiến nghị đến chủ đầu tư, người có thẩm quyền về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc về kết quả lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, người có thẩm quyền trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc gửi trực tiếp đến nhà thầu kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị.</p>

	<p>29.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 28.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.</p>
<p>30. Thay đổi số lượng thuốc</p>	<p>30.1. Vào thời điểm trao thỏa thuận khung, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm số lượng thuốc nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDX và HSYC. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng thuốc không vượt quá 10%.</p> <p>30.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi thỏa thuận khung hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng thuốc ngoài khối lượng nêu trong Chương V với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong thỏa thuận khung đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng thuốc bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo thỏa thuận liên danh, hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>31. Thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDX, giá thống nhất thông qua đàm phán và trao Thỏa thuận khung, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung theo quy định tại Mẫu số 19 Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm đ Mục 14.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung được tính kể từ ngày bên mời thầu gửi văn bản thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>
<p>32. Điều kiện ký kết</p>	<p>32.1. Tại thời điểm ký kết thỏa thuận khung, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>

<p>thỏa thuận khung</p>	<p>32.2. Tại thời điểm ký kết thỏa thuận khung, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu.</p> <p>32.3. Tại thời điểm thỏa thuận khung đã ký kết và nhà thầu đang tiến hành ký hợp đồng với cơ quan, đơn vị được phân bổ quy định trong thỏa thuận khung, trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng khả năng cung ứng, Chủ đầu tư sẽ hủy thỏa thuận khung đã ký kết với nhà thầu.</p> <p>32.4. Bên mua theo quy định tại Thỏa thuận khung phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>33. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>33.1. Trước khi ký Thỏa thuận khung hoặc trước thời điểm thỏa thuận khung có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu thông qua hình thức đàm phán giá phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cung cấp cho Đơn vị đàm phán giá với nội dung chi tiết từng cơ quan, đơn vị được phân bổ số lượng thuốc trúng thầu theo quy định tại Mục 6 ĐKC Chương VI.</p> <p>Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 22 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>33.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>34. Giải quyết kiến nghị</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp quy định tại BDL. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p>
<p>35. Theo dõi, sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Chủ đầu tư/Đơn vị đàm phán giá: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia
CDNT 1.2	<p>- Tên gói thầu: Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib sử dụng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng. Số hiệu: ĐPG.VX.2024</p> <p>- Số lượng và mã thuốc các phần thuộc gói thầu: Theo Bảng 1 - Chương V - Phạm vi cung cấp.</p>
CDNT 1.3	<p>- Thời gian hiệu lực thỏa thuận khung: 45 ngày</p> <p>- Thời gian thực hiện gói thầu là: 45 ngày</p>
CDNT 2	Ngân sách nhà nước năm 2024
CDNT 5.3	<p>Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của thuốc dự thầu: Nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số đăng ký hoặc số giấy phép nhập khẩu thuốc, về tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định như sau:</p> <p>- Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin liên quan đến mặt hàng thuốc tham dự thầu theo quy định tại Mẫu số 18 – Chương IV. Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp số đăng ký (hoặc giấy phép nhập khẩu) được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn).</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai, bao gồm:</p> <p>- Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm hoặc Quyết định cấp số đăng ký hoặc Quyết định/Công văn gia hạn hiệu lực giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế để đối chiếu. Trường hợp có sự khác biệt giữa thông tin của các tài liệu này và thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn) thì căn cứ theo văn bản mới nhất của Cục Quản lý Dược (có chứng thực).</p> <p>- Trường hợp sau thời điểm đóng thầu hoặc trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất, đàm phán giá, thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy chứng nhận GMP của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) hết hiệu lực (đối với nhóm tiêu chí kỹ thuật của thuốc phải đánh giá tính đáp ứng dây chuyền sản xuất): Nếu nhà thầu cung cấp được tài liệu chứng minh đã nộp hồ sơ gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc hoặc hồ sơ cập nhật hiệu lực GMP của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản</p>

	xuất thuốc) thì Bên mời thầu/Đơn vị đàm phán giá tiếp tục đánh giá hồ sơ đề xuất, đàm phán giá theo quy định.
CDNT 8.2	Hội nghị tiền đàm phán giá: Không
CDNT 13.1	HSDX có hiệu lực không ngắn hơn: 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu
CDNT 14.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm dự thầu: quy định tại Bảng 1 – Chương IV Phạm vi cung cấp của các phần mà nhà thầu tham dự. Đồng tiền bảo đảm dự thầu là Đồng Việt Nam (VND). <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 14.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt
CDNT 15.1	<p>Số lượng bản chụp HSDX là: 01 bản.</p> <p>Số lượng USB: 01 USB.</p> <p>Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX.</p>
CDNT 16.1	<p>Địa chỉ của Bên mời thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế. - Địa chỉ: Tầng 3, nhà D Bộ Y tế, 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. - Điện thoại: 02462732339.
CDNT 17.1	Thời điểm đóng thầu là: 08 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 10 năm 2024.

CDNT 20.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 09 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 10 năm 2024 , tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế, Tầng 3, nhà D Bộ Y tế, 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.
CDNT 21.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.
CDNT 27.5	Thuộc tham dự thầu có số đăng ký lưu hành và giấy chứng nhận GMP của cơ sở sản xuất (hoặc cơ sở tham gia sản xuất) còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị trúng thầu.
CDNT 30.1	Tỷ lệ tăng số lượng tối đa là: 0%; Tỷ lệ giảm số lượng tối đa là: 0%.
CDNT 30.2	Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng;
CDNT 34.2	- Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia + Địa chỉ: Tầng 3, nhà D Bộ Y tế, 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. + Điện thoại: 02462732339 - Người có thẩm quyền: Bộ trưởng Bộ Y tế + Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội + Số điện thoại: 02462732273
CDNT 35	Bộ Y tế + Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội + Số điện thoại: 02462732273

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 10 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Tổng số tiền ghi trong đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong Biểu giá đề xuất, không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13.1 CDNT;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSYC, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành HSYC, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp

của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu;

h) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong biểu giá đề xuất hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong biểu giá đề xuất, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.

k) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Đối với gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được đánh giá tương ứng với tổng các phần mà nhà thầu tham dự thầu trong gói thầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp thuốc đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (VCB) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được sử dụng theo tiêu chí đạt, không đạt. Nhà thầu phải đạt tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn đề xuất Mẫu số 01
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn đề xuất Mẫu số 01
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Báo cáo tài chính, Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm gần đây (2021, 2022, 2023) tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị phải đạt tối thiểu quy định tại Bảng 2 Chương V – Phạm vi cung cấp ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Báo cáo tài chính, Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự.	Số lượng hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁴⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: a) Có tính chất tương tự: cung cấp thuốc. ⁽⁵⁾ b) Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) đạt tối thiểu quy định tại Bảng 2 Chương V – Phạm vi cung cấp ⁽⁶⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 09, 10, 11
5	Yêu cầu khác	- Nhà thầu phải có kế hoạch nhập khẩu/sản xuất và cung ứng khả thi đảm bảo phân phối, giao hàng theo yêu cầu tại Chương V – Phạm vi cung cấp. - Nhà thầu phải cam kết về số lượng, chất lượng nguồn hàng và tiến độ cung cấp nếu trúng thầu theo Mẫu số 14 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 13, 14

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp thuốc bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp thuốc bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã

được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp ngày có thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không

bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(4) Với các hợp đồng nhà thầu tham đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(5) Hợp đồng cung cấp thuốc tương tự:

- Nhà thầu được quyền cung cấp các hợp đồng cung cấp thuốc hoặc hóa đơn bán hàng kèm theo danh mục thuốc đã cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh hoặc các cơ sở kinh doanh thuốc để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự về quy mô với phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Lưu ý:

+ Không bắt buộc nhà thầu chỉ được chứng minh bằng các hợp đồng cung cấp thuốc cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ Mặt hàng thuốc tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là mặt hàng thuốc dự thầu.

(6) Tương tự về quy mô: Được xác định bằng tổng các hợp đồng cung cấp thuốc tương tự tối thiểu bằng 70% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá về kỹ thuật sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật. Việc đánh giá đạt/không đạt dựa trên điểm tổng hợp, cụ thể như sau:

- a) Chất lượng thuốc: 70% tổng số điểm (70 điểm).
- b) Đóng gói, bảo quản, giao hàng: 30% tổng số điểm (30 điểm).
- c) Hồ sơ đề xuất được đánh giá đạt về kỹ thuật khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:
 - Điểm của từng tiêu chí tại yêu cầu về chất lượng thuốc và về đóng gói, bảo quản, giao hàng không thấp hơn 60% điểm tối đa tiêu chí đó.
 - Tổng điểm của tất cả các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

3.2.1. Yêu cầu chung: sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về yêu cầu chung. Thuốc đạt yêu cầu chung thì được tiếp tục đánh giá kỹ thuật.

- Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.
- Thuốc có giấy phép đăng ký lưu hành của Bộ Y tế và giấy chứng nhận GMP của cơ sở sản xuất (hoặc cơ sở tham gia sản xuất) còn hiệu lực;
- Thuốc phải có trong danh sách tiền thẩm định của Tổ chức Y tế thế giới;
- Nhà thầu cung cấp đầy đủ các cam kết:
 - + Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vaccine và Sinh phẩm y tế cấp khi giao hàng cho mỗi lô hàng.
 - + Đảm bảo hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc được giao tại kho của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương phải đảm bảo tối thiểu đúng theo quy định và đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng tại các điểm tiêm chủng. Trong trường hợp cần yêu cầu hạn sử dụng của thuốc khác quy định nêu trên, căn cứ tình hình thực tế, Tổ liên ngành thỏa thuận với nhà thầu để thống nhất hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.
 - + Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, còn nguyên niêm phong khi bàn giao. Nhãn trên bao bì đóng gói ghi các thông tin theo các quy định của nhà nước về nhãn mác và ghi rõ dòng chữ “*Dùng trong chương trình TCMR – Không được bán*”.
 - + Quy trình bảo quản, vận chuyển thuốc theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: tại Phần 4 Phụ lục ban hành kèm theo HSYC này.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01 (a). Đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá (*áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng*)

Mẫu số 01 (b). Đơn đề xuất cung cấp thuốc theo hình thức đàm phán giá (*áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn đề xuất*)

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04 (a). Bảo lãnh dự thầu (*áp dụng đối với nhà thầu độc lập*)

Mẫu số 04 (b). Bảo lãnh dự thầu (*áp dụng đối với nhà thầu liên danh*)

Mẫu số 05 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 05 (b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh

Mẫu số 06. Bản kê khai thông tin về cơ sở sản xuất

Mẫu số 07. Bản kê khai thông tin đại diện tham gia đàm phán

Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 09. Bảng tổng hợp các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 10. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 11. Tổng hợp hóa đơn bán hàng

Mẫu số 12. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ

Mẫu số 13. Kế hoạch nhập khẩu/sản xuất và cung ứng khi trúng thầu

Mẫu số 14. Cam kết của nhà thầu

Mẫu số 15. Biểu giá đề xuất

Mẫu số 16. Bản kê khai thông tin chi tiết của thuốc tham dự thầu

Mẫu số 17. Bảng thông tin liên quan đến giá của thuốc tham dự thầu

Mẫu số 18. Bảng tổng hợp điểm kỹ thuật của từng sản phẩm dự thầu do nhà thầu tự chấm

Mẫu số 01 (a)**ĐƠN ĐỀ XUẤT CUNG CẤP THUỐC THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ⁽¹⁾**

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: ___[ghi ngày tháng năm ký đơn đề xuất]

Tên gói thầu: ___[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Thư mời thầu số: ___[ghi số trích yếu của Thông báo phát hành HSYC]

Kính gửi: ___[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ___[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___[ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ___[ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ___[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá đề xuất kèm theo.

Thời gian thực hiện gói thầu là ___[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 33 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____⁽⁴⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nhà thầu lưu ý, đơn đề xuất phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

⁽²⁾ Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mua, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

⁽³⁾ Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSDX.

⁽⁴⁾ Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

⁽⁵⁾ Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu.

⁽⁶⁾ Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Bên mua bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu.

Mẫu số 01(b)**ĐƠN ĐỀ XUẤT CUNG CẤP THUỐC THEO HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ⁽¹⁾**

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn đề xuất)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn đề xuất]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Thư mời thầu số: *[ghi số trích yếu của Thông báo phát hành HSYC]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ___*[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ___*[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ___*[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*⁽³⁾.

Thời gian thực hiện gói thầu là ___*[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*⁽⁴⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất tính so với điểm đóng thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 33 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁶⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁷⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn đề xuất phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất phải cụ thể, có định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mua, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn đề xuất phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSDX.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(6) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành

viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Bên mua bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu.

thaoip.ttms_Nguyen Phuong Thao_07/10/2015

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là ___[ghi tên, số CMND hoặc CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ___[ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ___[ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ___[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ___[ghi tên gói thầu] do [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX, sửa đổi, thay thế HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện thỏa thuận khung;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết Thỏa thuận khung với Bên mời thầu nếu được lựa chọn;

- Ký kết hợp đồng với Bên mua nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___[ghi tên nhà thầu]. ___[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ___[ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày ___⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___ bản, người được ủy quyền giữ ___ bản, Bên mời thầu giữ ___ bản.

___, ngày ___ tháng ___ năm ___

___, ngày ___ tháng ___ năm ___

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn đề xuất theo quy định tại khoản 15.2 Mục 15 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có thể bổ sung thêm các nội dung ủy quyền khác.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đàm phán giá.

thaomp.ttms_Nguyen Phuong Thao_07/10/2024 18:25:41

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Bên mua theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ___[ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ___[ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX, sửa đổi, thay thế HSDX;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình hoàn thiện thỏa thuận khung;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____ - _____	- _____% - _____%
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____% - _____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ___[ghi tên gói thầu] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục trong phạm vi công việc hoặc không thuộc quá trình sản xuất ra thuộc thuộc các hạng mục.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSYC, nhà thầu rút HSDX hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSYC;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu và Mục 33 Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 14 Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSYC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDX là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại khoản 14.2 Mục 14 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 14.3 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

thaonp.ttms_Nguyen Phuong Thao_07/10/2024 18:25:41

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)***Bên thụ hưởng:** ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]**Ngày phát hành bảo lãnh:** ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX, nhà thầu có văn bản rút HSDX hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSYC;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu và Mục 33 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 14.5 Mục 14 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ yêu cầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này

_____, ngày ___ tháng ___ năm ____

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 14 Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSYC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDX là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”;

trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại khoản 14.2 Mục 14 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 14.3 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05 (a)

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: ____ [<i>ghi tên nhà thầu</i>]
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: ____ [<i>ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động</i>]
Năm thành lập công ty: ____ [<i>ghi năm thành lập công ty</i>]
Thời hạn của giấy phép bán hàng/giấy ủy quyền phân phối mặt hàng tham dự thầu của cơ sở sản xuất hoặc cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm dự thầu (nếu có): _____
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: ____ [<i>tại nơi đăng ký</i>]
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Họ tên: _____ Chức vụ: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
Thông tin về đại diện của nhà thầu [<i>đối với các địa bàn khác của nhà thầu khi trúng thầu</i>]: Địa bàn A: Họ tên: _____ Vị trí công tác: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____ Địa bàn ...: Tên: _____ Vị trí công tác: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc của cơ quan có thẩm quyền cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 05 (b)

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN
CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Thời hạn của giấy phép bán hàng/giấy ủy quyền phân phối mặt hàng tham dự thầu của cơ sở sản xuất hoặc cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm dự thầu (nếu có): _____
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Họ tên: _____ Chức vụ: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
Thông tin về đại diện của thành viên liên danh [<i>đối với các địa bàn khác của nhà thầu liên danh</i>] Địa bàn A: Tên: _____ Vị trí công tác: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____ Địa bàn ...: Tên: _____ Vị trí công tác: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc của cơ quan có thẩm quyền cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng: <i>[ghi thông tin các thuốc dự thầu có cùng cơ sở sản xuất, cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành]</i>
Tên cơ sở sản xuất: _____ <i>[ghi tên cơ sở sản xuất]</i>
<i>Trong trường hợp sản phẩm được sản xuất tại nhiều nhà máy, ghi tên của từng nhà máy (theo giấy phép lưu hành của thuốc)</i>
Địa chỉ cơ sở sản xuất:
Địa chỉ văn phòng đại diện của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm - đăng ký hoạt động tại Việt Nam: _____ <i>[ghi địa chỉ, tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm bắt đầu hoạt động tại Việt Nam: _____ <i>[ghi năm thành lập văn phòng đại diện]</i>
Tên và Địa chỉ hợp pháp của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm tại Việt Nam: _____ <i>[tại nơi đăng ký]</i>
Thông tin về đại diện của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm tại Việt Nam: Họ tên: _____ Chức vụ: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
Kèm theo là các tài liệu chứng minh thông tin trên.

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐẠI DIỆN THAM GIA ĐÀM PHÁN

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

<p>Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng: <i>[ghi thông tin các thuốc có cùng đại diện tham gia đàm phán]</i></p>
<p>Thông tin đại diện tham gia đàm phán của nhà thầu:</p> <p>Họ tên: _____ Chức vụ: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Số điện thoại/fax: _____</p> <p>Địa chỉ email: _____</p> <p>_____</p> <p>_____</p>
<p>Thông tin đại diện tham gia đàm phán của cơ sở sản xuất/cơ sở sở hữu giấy phép lưu hành sản phẩm nếu được mời để làm rõ các thông tin về mặt hàng thuốc tham dự thầu và cơ sở sản xuất:</p> <p>Tên: _____</p> <p>Quốc tịch: _____</p> <p>Chức vụ: _____</p> <p>Số điện thoại/fax: _____</p> <p>Địa chỉ email: _____</p> <p>_____</p> <p>_____</p>

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾ như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là

nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) (3) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

(4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về các hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

STT	Tên và số hợp đồng ⁽²⁾	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành	Giá hợp đồng (đối với nhà thầu độc lập)	Giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm (đối với trường hợp thành viên liên danh)	Giá trị đã thực hiện của nhà thầu	Tên dự án/dự toán mua sắm	Tên chủ đầu tư	Loại thuốc cung cấp theo hợp đồng
	Tổng cộng:					Σ			
	Tỷ lệ về tổng giá trị đã thực hiện so với tổng giá trị các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự (%)				 (%)			

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của bên mua trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của bên mua]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại thuốc	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>	
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Bên mua về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú :

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

TỔNG HỢP HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin tổng hợp hóa đơn mua bán cần bảo đảm các thông tin sau đây:

STT	Hóa đơn		Giá trị hóa đơn (VND)	Tên bên mua	Số hợp đồng (nếu có)
	Số	Ngày tháng			
1					
2					
3					
4					
TỔNG GIÁ TRỊ CÁC HÓA ĐƠN : (Bằng chữ: _____./.)					
Tỷ lệ về tổng giá trị hóa đơn so với tổng giá trị các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự (%)			... (%)		

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Bên mua.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

KẾ HOẠCH NHẬP KHẨU/SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG KHI TRÚNG THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC, chúng tôi xin gửi bản kê khai năng lực nhập khẩu/sản xuất và kế hoạch về cung ứng và tiến độ giao hàng khi trúng thầu đối với các sản phẩm dự thầu như sau:

1. Năng lực và kế hoạch nhập khẩu/sản xuất cho thị trường Việt Nam:

TT	Mã thuốc	Tên thuốc	NĐ-HL	ĐVT	Năng lực sản xuất của nhà sản xuất/Năng lực nhập khẩu mỗi năm	Số lượng kế hoạch nhập khẩu/sản xuất					
						Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Đợt 6
1											
...											

2. Kế hoạch cung ứng/giao hàng:

Ghi rõ thời gian, tiến độ cung ứng và cách thức tổ chức thực hiện cung ứng/giao hàng để đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc từ ngày _____ [khoảng thời gian có hiệu lực của kết quả đấu thầu].

Thời gian cần thiết để nhập khẩu thuốc từ nhà sản xuất cung cấp cho cơ sở y tế tại Việt Nam là khoảng _____ tuần/ngày/tháng.

Chúng tôi xin gửi các tài liệu kèm theo kế hoạch cung ứng bao gồm:....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Nhà thầu phải gửi kèm các tài liệu chứng minh tính hợp pháp và năng lực về khả năng cung ứng và giao hàng mà nhà thầu đã kê khai trong Mẫu số 13.

CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC, chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu HSYC như sau:

I. VỀ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

1. Thông tin ghi trong hồ sơ đề xuất của nhà thầu là hoàn toàn chính xác.
2. Thông tin trong file mềm (USB) gửi đầy đủ các mẫu biểu cho Bên mời thầu đúng như bản in gốc đã nộp.
3. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Cục Quản lý Dược, có giấy phép lưu hành do Bộ Y tế cấp.
4. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều có đủ giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, phiếu kiểm nghiệm, nước sản xuất, địa chỉ gửi hàng tới Việt Nam, giấy phép lưu hành tại Việt Nam.
5. Các thông tin và tài liệu kèm theo về mặt hàng thuốc tham dự thầu mà chúng tôi cung cấp trong HSDX là trung thực đúng với hồ sơ đăng ký thuốc, hồ sơ kê khai giá thuốc, các giấy chứng nhận đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp.

II. KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VÀ CUNG ỨNG THUỐC

1. Sau khi ký kết Thỏa thuận khung với Đơn vị đàm phán giá, chúng tôi có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua bán thuốc với Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương theo quy định tại Thỏa thuận khung và tổng hợp gửi bản quét (scan) hợp đồng đã ký về hòm thư điện tử của Đơn vị đàm phán giá.
2. Cung ứng kịp thời, chính xác, đầy đủ về số lượng thuốc trúng thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng thuốc trúng thầu như đã tham gia dự thầu và đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp.
3. Cung ứng thuốc với các thông số về tên, nồng độ/hàm lượng, đơn vị, đơn giá, quy cách đóng gói, GMP của cơ sở sản xuất (cơ sở tham gia sản xuất), Giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm đúng như trong tham gia dự thầu và đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền hoặc các thông tin được thay đổi theo quy định. Trong trường hợp Giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hoặc công văn gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu hoặc GMP của cơ sở sản xuất (cơ sở tham gia sản xuất) hết hiệu lực, chúng tôi xin đảm bảo sẽ phối hợp với nhà đăng ký nộp hồ sơ gia hạn/cập nhật hiệu lực giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu, GMP của cơ sở sản xuất (cơ sở tham gia sản xuất) theo quy định và

phối hợp với nhà cung cấp thuốc hoặc nhà nhập khẩu dự trữ hàng tồn kho đảm bảo cung ứng thuốc theo tiến độ tại HSYC và đề xuất các giải pháp đảm bảo cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế phục vụ cho nhu cầu điều trị.

4. Trong trường hợp công ty không cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với các thông tin thuốc như cam kết ở các mục trên, công ty sẽ có công văn giải trình và xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo điều khoản phạt vi phạm thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

5. Có phương tiện vận chuyên, chế độ bảo quản thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của các cơ sở y tế trên địa bàn cả nước.

6. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương phải đảm bảo tối thiểu đúng theo quy định và đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng tại các điểm tiêm chủng. Trong trường hợp cần yêu cầu hạn sử dụng của thuốc khác quy định nêu trên, căn cứ tình hình thực tế, Tổ liên ngành thỏa thuận với nhà thầu để thống nhất hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.

7. Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp khi giao hàng cho mỗi lô hàng.

8. Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, còn nguyên niêm phong khi bàn giao. Nhãn trên bao bì đóng gói ghi các thông tin theo các quy định của nhà nước về nhãn mác và ghi rõ dòng chữ "*Dùng trong chương trình TCMR – Không được bán*".

9. Quy trình bảo quản, vận chuyển thuốc theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển.

10. Trong quá trình sử dụng, nếu kiểm tra thuốc đã giao không đảm bảo chất lượng (hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc) và có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi trong thời hạn theo quy định. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan và bồi thường thiệt hại (nếu có).

III. GIÁ THUỐC ĐỀ XUẤT VÀ CUNG ỨNG TRONG TRƯỜNG HỢP TRÚNG THẦU

1. Giá thuốc đề xuất và cung ứng trong trường hợp trúng thầu không cao hơn giá bán buôn kê khai, kê khai lại có hiệu lực.

2. Trường hợp có thay đổi về giá kê khai, kê khai lại thấp hơn giá thuốc đã trúng thầu, chúng tôi sẽ có văn bản thông báo và áp dụng giá mới từ thời điểm giá kê khai, kê khai lại có hiệu lực. Nếu không, chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường cho cơ sở y tế phần chênh lệch giá với số tiền bằng đơn giá chênh lệch (VND) x số lượng thuốc cung ứng.

Trân trọng cảm ơn.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

thaomp.ttms_Nguyen Phuong Thao_07/10/2024 18:25:41

BIỂU GIÁ ĐỀ XUẤT**Tên nhà thầu:****Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu:⁽¹⁾****Tên gói thầu:**

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	STT/Đợt công bố thuốc biệt dược gốc (nếu có)	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK ⁽²⁾	Ngày hết hạn SDK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	STT/Đợt công bố nguyên tắc GMP	Ngày hết hạn GMP	Đơn vị tính	Giá bán buôn kê khai	Đơn giá đề xuất	Số lượng dự thầu	Thành tiền	Phân loại	Ghi chú

- **Tổng số sản phẩm dự thầu:**
- **Trị giá:**
(Ghi bằng chữ):
- **Các ưu đãi khác (nếu có):**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

1. Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.
2. Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ số giấy đăng ký lưu hành của thuốc hoặc số giấy phép nhập khẩu.
3. Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên, ống, lọ, tuýp, gói, chai...).
4. Giá kê khai: Tính theo Đồng Việt Nam (VND), đã có thuế giá trị gia tăng (VAT).
5. STT/Đợt công bố nguyên tắc GMP: Ghi rõ số thứ tự, đợt công bố và nguyên tắc GMP (EU-GMP, PIC/s-GMP,...), ngày cấp, ngày hết hạn
6. Phân loại: Đề nghị ghi rõ việc mặt hàng thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh như sau để phục vụ việc chấm điểm:
 - a. Thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất và dự thầu: ghi ký hiệu là SX.
 - b. Thuốc do nhà thầu trực tiếp nhập khẩu và dự thầu: ghi ký hiệu là NK.
 - c. Thuốc do nhà thầu mua từ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh khác để dự thầu: ghi ký hiệu là KD và ghi rõ tên cơ sở nhập khẩu đối với thuốc nhập khẩu.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA THUỐC THAM DỰ THẦU**Tên nhà thầu:****Tên gói thầu:**

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
1	Tên thuốc: Tên hoạt chất: Nồng độ, hàm lượng, thể tích: Quy cách đóng gói: Dạng bào chế: (<i>bằng chứng nghiên cứu/chứng minh về dạng bào chế ưu việt – nếu có</i>)	
2	Thông tin về nhà sản xuất: - Tên, địa chỉ: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất	
3	Tên, địa chỉ nhà sản xuất nhượng quyền và giá xuất xưởng được sản xuất nhượng quyền của thuốc dự thầu tại các nước khác trên thế giới (nếu có):	<i>Tại nước ...:</i> - <i>Tên thuốc</i> - <i>Tên, địa chỉ nhà sản xuất:</i> - <i>Giá xuất xưởng:</i>
4	Thuốc dự thầu được sản xuất theo tiêu chuẩn của dược điển:	<i>(ghi rõ tiêu chuẩn)</i>
5	Số đăng ký/ giấy phép nhập khẩu của thuốc: - Số đăng ký hoặc số giấy phép nhập khẩu: - Thời gian hết hiệu lực: - Số giấy phép lưu hành và thời gian thuốc được cấp phép lưu hành lần đầu tiên tại Việt Nam: - Thời gian lưu hành trên thế giới:	
6	Thông tin về sở hữu trí tuệ của thuốc dự thầu tại Việt Nam: <i>(Loại hình sở hữu trí tuệ: hoạt chất, dạng bào chế, sản phẩm, quy trình sản xuất, ...; thời gian được cấp và hết hạn của từng loại hình)</i>	
7	Thông tin về sở hữu trí tuệ của thuốc dự thầu trên thế giới: <i>(Loại hình sở hữu trí tuệ: hoạt chất, dạng bào chế, sản phẩm, quy trình sản xuất, ...; thời gian được cấp và hết hạn của từng loại hình)</i>	
8	Thông tin về tác dụng điều trị của thuốc dự thầu: - Chỉ định điều trị của thuốc: - Đánh giá hiệu quả lâm sàng của thuốc trong điều trị: - Liều dùng (theo ngày, đợt, tháng): - Báo cáo đánh giá so sánh hiệu quả lâm sàng trong điều trị	

	khi dùng thuốc so với các thuốc tiêu chuẩn (nếu có):	
9	Số lượng và giá trị thuốc đã cung cấp cho các cơ sở y tế tại Việt Nam trong 03 năm gần đây:	- Năm 2021: - Năm 2022: - Năm 2023:
10	Số lượng và giá trị thuốc đã cung ứng cho thị trường Việt Nam trong 03 năm gần đây:	- Năm 2021: - Năm 2022: - Năm 2023:
11	Báo cáo hoặc các dữ liệu phân tích, đánh giá về chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích và chi phí - công dụng của thuốc tại Việt Nam và tại các nước trên thế giới (nếu có)	

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Các thông tin do nhà thầu cung cấp theo bảng trên phải kèm theo các tài liệu chứng minh.

BẢNG THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIÁ CỦA THUỐC THAM DỰ THẦU
(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Tên nhà thầu:

Tên gói thầu:

Tên thuốc:

Số Giấy đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu:

Tên hoạt chất, nồng độ/hàm lượng/thể tích:

Dạng bào chế, quy cách đóng gói:

Tên cơ sở sản xuất, nước sản xuất:

Đơn vị tính nhỏ nhất: (Chai/lọ/ống/viên)

I. Giá bán buôn kê khai đã được Cục Quản lý Dược công bố tại thời điểm gần nhất (cho 01 đơn vị đóng gói nhỏ nhất):

- Giá kê khai:

- Thời điểm kê khai:

II. Cơ cấu kết cấu giá đề xuất của thuốc tham dự thầu:

**BẢNG TỔNG HỢP THUYẾT MINH VỀ CƠ CẤU GIÁ ĐỀ XUẤT
CHO MỘT ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI NHỎ NHẤT**

ĐVT: VND

TT	Nội dung	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (% so với giá đề xuất)	Ghi chú
II	Giá nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (Giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
III	Các chi phí chung			
4	Chi phí kiểm định			
5	Chi phí quản lý			
6	Các chi phí khác có liên quan (nếu có)			
IV	Lợi nhuận			
V	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
VI	Giá đề xuất			

III. Giải trình chi tiết từng khoản mục chi phí tại Bảng thuyết minh về cơ cấu giá đề xuất cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất (kèm theo các tài liệu liên quan để chứng minh):

IV. Giá đã bán 01 đơn vị đóng gói nhỏ nhất của thuốc dự thầu:

Địa điểm	Giá bán cho các cơ sở khám, chữa bệnh (tính theo VND)
Tại Việt Nam trong 03 năm gần đây: - Năm 2021: - Năm 2022: - Năm 2023:	
Tại nước sản xuất trong 03 năm gần đây: - Năm 2021: - Năm 2022: - Năm 2023:	
Tại các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (nếu có): - (Liệt kê các nước): <i>Trường hợp không có giá tham khảo tại ASEAN thì cung cấp giá tại các quốc gia khác (nếu có)</i>	

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TỪNG SẢN PHẨM DỰ THẦU DO NHÀ THẦU TỰ CHẤM

Theo thang điểm bảng tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật của HSYC

Tên gói thầu:

Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu:

STT	STT trong HSYC	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	TC I.1	TC I.2	TC I.3	TC I.4	TC I.5	TC I.6	TC I.7	TC I.8	TC II.10	TC II.11	TC II.12	TC II.13	TC II.14	Tổng điểm

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

- Phạm vi cung cấp thuốc như sau (*quy định chi tiết tại Bảng 1 Chương V*):

+ Thành phần/hoạt chất: Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố Uốn ván; Ho gà (toàn tế bào); HbsAg (rDNA); Polysaccharide vỏ vi khuẩn Hib tinh khiết cộng hợp với giải độc tố uốn ván.

+ Nồng độ/hàm lượng: Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố bạch hầu ≤ 25 Lf (≥ 30 IU); Giải độc tố Uốn ván ≥ 2.5 Lf (≥ 40 IU); Ho gà (toàn tế bào) ≤ 16 OU (≥ 4 IU); HbsAg (rDNA) ≥ 10 mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn Hib tinh khiết cộng hợp với giải độc tố uốn ván ≥ 10 mcg.

+ Vắc xin đáp ứng Phụ lục I. Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế đủ điều kiện được tham gia đàm phán giá.

+ Số lượng: 2.081.700 liều.

+ Giá gói thầu: 82.227.150.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng; giá kế hoạch: 39.500 đồng/liều). Giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển, phí kiểm định và toàn bộ các chi phí khác liên quan, giao hàng tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

- Trong quá trình vận chuyển, giao, nhận, thuốc phải đảm bảo đúng các điều kiện bảo quản theo các nguyên tắc GDP và các quy định về quản lý các thuốc có chế độ quản lý đặc biệt.

2. Biểu tiến độ cung cấp

- Thuốc phải được giao đầy đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, đúng các thông tin được Cục Quản lý Dược cấp phép và như trong HSDX đã được lựa chọn trúng thầu và đảm bảo theo tiến độ cung cấp yêu cầu tại Bảng 1.

- Giao hàng tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Thời gian giao hàng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, đảm bảo giao toàn bộ thuốc trước ngày 31/12/2024 và đáp ứng đầy đủ các điều kiện khác theo đơn đặt hàng của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp vắc xin phối hợp phòng bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib sử dụng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng;

- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia - Bộ Y tế;
- Yêu cầu về cung cấp thuốc thuộc gói thầu: Theo danh mục thuốc mời thầu tại

Bảng 1.

- Địa điểm giao hàng: Giao tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu chung: sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về yêu cầu chung. Thuốc đạt yêu cầu chung thì được tiếp tục đánh giá kỹ thuật.

- Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.
- Thuốc có giấy phép đăng ký lưu hành của Bộ Y tế và giấy chứng nhận GMP của cơ sở sản xuất (hoặc cơ sở tham gia sản xuất) còn hiệu lực;
- Thuốc phải có trong danh sách tiền thẩm định của Tổ chức Y tế thế giới;
- Nhà thầu cung cấp đầy đủ các cam kết:

+ Cung cấp giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp khi giao hàng cho mỗi lô hàng.

+ Đảm bảo hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc được giao tại kho của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương phải đảm bảo tối thiểu đúng theo quy định và đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng tại các điểm tiêm chủng. Trong trường hợp cần yêu cầu hạn sử dụng của thuốc khác quy định nêu trên, căn cứ tình hình thực tế, Tổ liên ngành thỏa thuận với nhà thầu để thống nhất hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.

+ Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, còn nguyên niêm phong khi bàn giao. Nhãn trên bao bì đóng gói ghi các thông tin theo các quy định của nhà nước về nhãn mác và ghi rõ dòng chữ “*Dùng trong chương trình TCMR – Không được bán*”.

+ Quy trình bảo quản, vận chuyển thuốc theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển.

2.2. Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: tại Phần 4 Phụ lục ban hành kèm theo HSYC này.

2.3. Các yêu cầu khác

Tùy từng trường hợp cụ thể, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu đặc thù khác để chứng minh chất lượng và khả năng cung ứng mặt hàng dự thầu.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành khi bàn giao hàng hoá gồm có:

- Nhà thầu phải bàn giao giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp khi giao hàng cho mỗi lô hàng.

- Kiểm tra 100% hàng hóa không có niêm phong của nhà sản xuất. Kiểm tra xác suất 10% hàng hóa có niêm phong của nhà sản xuất về nhiệt độ bảo quản thuốc khi bàn giao hàng hoá cho Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

- Trong quá trình sử dụng, nếu kiểm tra thuốc đã giao không đảm bảo chất lượng (hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc) và có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu thì nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi trong thời hạn theo quy định. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan và bồi thường thiệt hại (nếu có).

BẢNG 1: BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Thành phần/hoạt chất ⁽¹⁾	Nồng độ, hàm lượng ⁽¹⁾	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng	Giá kế hoạch (VND/liều)	Giá gói thầu (VND)	Tiến độ cung cấp	Giá trị đảm bảo dự thầu (VND)
1	VX	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố Uốn ván; Ho gà (toàn tế bào); HbsAg (rDNA); Polysaccharide vỏ vi khuẩn Hib tinh khiết cộng hợp với giải độc tố uốn ván	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố bạch hầu ≤ 25 Lf (≥ 30 IU); Giải độc tố Uốn ván ≥ 2.5 Lf (≥ 40 IU); Ho gà (toàn tế bào) ≤ 16 OU (≥ 4 IU); HbsAg (rDNA) ≥ 10 mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn Hib tinh khiết cộng hợp với giải độc tố uốn ván ≥ 10 mcg.	Tiêm	Dung dịch tiêm	Liều	5	2.081.700	39.500	82.227.150.000	45 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	1.644.543.000

(1) Vắc xin đáp ứng Phụ lục I. Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế đủ điều kiện được tham gia đàm phán giá.

**BẢNG 2: BẢNG YÊU CẦU DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM (KHÔNG BAO GỒM THUẾ VAT)
VÀ QUY MÔ TỐI THIỂU CỦA HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THUỐC TƯƠNG TỰ**

STT	Mã thuốc	Thành phần/hạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế/Đường dùng	Số lượng (liều)	Giá gói thầu (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (VND) (không bao gồm thuế VAT)	Yêu cầu về quy mô tối thiểu của hợp đồng cung cấp thuốc tương tự (VND)
1	VX	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố Uốn ván; Ho gà (toàn tế bào); HbsAg (rDNA); Polysaccharide vỏ vi khuẩn Hib tinh khiết cộng hợp với giải độc tố uốn ván	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố bạch hầu ≤ 25 Lf (≥ 30 IU); Giải độc tố Uốn ván ≥ 2.5 Lf (≥ 40 IU); Ho gà (toàn tế bào) ≤ 16 OU (≥ 4 IU); HbsAg (rDNA) ≥ 10 mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn Hib tinh khiết cộng hợp với giải độc tố uốn ván ≥ 10 mcg.	Dung dịch tiêm/Tiêm	2.081.700	82.227.150.000	117.467.357.143	57.559.005.000

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bên mua” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mua và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Bên mua chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.10. “Thời gian thực hiện hợp đồng” là thời gian kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký được quy định tại ĐKCT.</p>
<p>2. Thứ tự ưu tiên</p>	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Thỏa thuận khung;</p> <p>2.3. Thư chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung;</p> <p>2.4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng</p> <p>2.6. Điều kiện chung của hợp đồng</p> <p>2.7. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Ủy quyền</p>	<p>Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT, Bên mua có thể ủy quyền</p>

	<p>thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định uỷ quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Đơn vị đàm phán giá không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
7. Nhà thầu phụ	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên mua về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên mua chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
8. Giải quyết tranh chấp	<p>8.1. Bên mua và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
9. Phạm vi cung cấp	<p>Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.</p>
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các	<p>Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các</p>

dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Thanh toán	<p>15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Bên mua thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Bên mua.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mua, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Bên mua hoặc đại diện của Bên mua đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện</p>

	<p>hợp đồng.</p> <p>17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Bên mua. Khi Bên mua có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Bên mua các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương V – Phạm vi cung cấp.
19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT.
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	<p>22.1. Bên mua hoặc đại diện của Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mua có quyền từ chối.</p>
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mua có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên mua sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất

<p>lượng và hạn sử dụng thuốc</p>	<p>lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc.</p> <p>24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.</p>
<p>25. Bất khả kháng</p>	<p>25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Bên mua vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên mua phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p>26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</p>	<p>26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng (không vượt quá thời điểm hết hiệu lực thỏa thuận khung); d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>26.2. Bên mua và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<p>27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp</p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p>

<p>đồng</p>	<p>27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<p>28. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>28.1. Bên mua hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên mua gia hạn;</p> <p>b) Bên mua hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>28.2. Trong trường hợp Bên mua chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mua những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>28.3. Trong trường hợp Bên mua chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Bên mua không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên mua được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSDX.

ĐKC 1.1	Bên mua: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: Giao hàng tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
ĐKC 1.10	Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày (Thời gian thực hiện hợp đồng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận khung)
ĐKC 2.7	Tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Các văn bản thỏa thuận được các bên của hợp đồng thống nhất, ký và đóng dấu (nếu có).
ĐKC 4	Bên mua không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Bên mua theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: ___[ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có] Địa chỉ: ___[ghi đầy đủ địa chỉ] Điện thoại: [ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố] Fax: ___[ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố] Địa chỉ email: ___[ghi địa chỉ email (nếu có)]
ĐKC 6.1	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc. Trường hợp nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 21 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng) - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị hợp đồng. - Đối với lựa chọn nhà thầu tập trung, Nhà thầu trúng thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho từng đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc cho tổng số phần mà nhà thầu ký hợp đồng theo mẫu được quy định trong HSYC. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 45 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng bản gốc được nộp về Đơn vị đàm phán giá sau khi nhà thầu nhận được Thư chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung theo quy định.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả trong vòng 20 ngày sau khi bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực.

ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: ___ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDX</i>].
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không
ĐKC 8.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa tranh chấp ra Tòa án các cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết theo quy định hiện hành. Mọi chi phí để giải quyết tranh chấp tại Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.</p>
ĐKC 10	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa đơn bán hàng theo quy định. - Tờ khai hải quan nhập khẩu (trong trường hợp hết hiệu lực giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu). - Bảng xác nhận theo dõi nhiệt độ của hàng hoá đã giao trong khoảng thời gian từ lúc đóng hàng tại kho của bên bán đến khi giao hàng tại kho bảo quản của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. - Giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp cho từng lô hàng. <p>Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi tiếp nhận thuốc, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.</p> <p>Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ___ [<i>ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung</i>].
ĐKC 13	<p>Điều chỉnh đơn giá hợp đồng: Không áp dụng (trừ trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá).</p> <p>Điều chỉnh khối lượng hợp đồng: Không áp dụng</p>
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: không được phép

ĐKC 15.1	<p>Việc thanh toán giá trị thuốc được thực hiện giữa bên mua và nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán bằng chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng theo tiến độ giao hàng của nhà thầu. - Thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu. - Điều kiện thanh toán: Chi phí thuốc được xem là đủ điều kiện thanh toán khi thuốc đã được giao đủ số lượng cho bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.
ĐKC 19	<p>Đóng gói thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc phải được đóng gói, bảo quản theo đúng quy định chuyên ngành và tiêu chuẩn của nhà sản xuất; - Thuốc phải được đóng gói đúng yêu cầu, đảm bảo bao bì nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và mẫu mã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chần kiện); còn nguyên nhãn, mác (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng. Nhãn trên bao bì đóng gói ghi các thông tin theo các quy định của nhà nước về nhãn mác và ghi rõ dòng chữ “<i>Dùng trong chương trình TCMR – Không được bán</i>”. - Với các thuốc lẻ (không đủ điều kiện đóng thùng) nhà thầu cần đóng gói theo đúng các nguyên tắc GDP khi giao nhận, vận chuyển.
ĐKC 20	<p>Nội dung bảo hiểm: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng, số lượng và các trách nhiệm khác có liên quan đến toàn bộ hàng hóa trong hợp đồng. Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường các mất mát, tổn thất, hỏng, vỡ trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng. <p>Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hại đến người bệnh do sử dụng thuốc của nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường về vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận giữa bên mua, nhà thầu với người bệnh.</p>
ĐKC 21	<p>Yêu cầu về vận chuyển thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình vận chuyển thuốc theo đúng quy định của nhà sản xuất và các quy định hiện hành của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong quá trình vận chuyển. - Phải đảm bảo điều kiện bảo quản và chất lượng hàng hoá trong toàn bộ quá trình vận chuyển từ kho của bên bán cho tới khi hàng được giao tại kho bảo quản thuốc của bên mua trong giới hạn nhiệt độ từ +2°C đến +8°C theo đúng yêu cầu của dây chuyền lạnh trong bảo quản vắc xin và sinh phẩm y tế theo quy định hiện hành, phải có nhiệt kế/thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ (có chứng nhận/tem hiệu chuẩn) kèm theo khi giao hàng. Nếu nhiệt độ bảo quản của thuốc đã giao không nằm trong giới hạn quy định thì Viện có quyền trả

	<p>lại toàn bộ lô hàng đã nhận cho đơn vị cung cấp mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên bán có trách nhiệm cung cấp cho Viện bảng xác nhận theo dõi nhiệt độ của hàng hóa đã giao trong khoảng thời gian từ lúc đóng hàng tại kho của bên bán đến khi giao hàng tại kho bảo quản của Viện. Nếu nhiệt độ của hàng đã giao không nằm trong giới hạn qui định thì Viện có quyền trả lại toàn bộ lô hàng cho bên bán mà không phải chịu bất cứ chi phí phát sinh nào. <p>Các yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc phải được vận chuyển theo đúng điều kiện vận chuyển, bảo quản và phải đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, tránh đổ, vỡ, hư hỏng. Trong trường hợp thuốc do nhà thầu cung cấp không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, không đạt chất lượng, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm thu hồi và cung cấp lại thuốc đạt kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của HSYC và nội dung thông tin HSĐX đã trúng thầu. - Bên mua thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mua bán thuốc với nhà thầu về những yêu cầu khác trong vận chuyển và các dịch vụ phát sinh (nếu có).
ĐKC 22.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: Bên mua hoặc đại diện của bên mua có quyền kiểm tra để khẳng định thuốc có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng hay không.</p> <p>Nội dung, thời gian địa điểm kiểm tra, cách thức tiến hành kiểm tra trong quá trình giao nhận thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi giao hàng: Bên bán phải có Giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp khi giao hàng cho mỗi lô hàng. - Khi nhận hàng: Kiểm tra 100% hàng hóa không có niêm phong của nhà sản xuất. Kiểm tra xác suất 10% hàng hóa có niêm phong của nhà sản xuất về nhiệt độ bảo quản thuốc khi bàn giao hàng hoá cho Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. - Sau khi nhận hàng: sau khi giao nhận hàng hóa, nếu có vấn đề về chất lượng, Bên mua có trách nhiệm thông báo cho Nhà thầu để giải quyết. - Thời gian kiểm tra: Tại thời điểm giao, nhận hàng. - Địa điểm kiểm tra: Kho của Bên mua. - Cách thức tiến hành kiểm tra: Theo đúng các quy định về kiểm nhập thuốc hiện hành.
ĐKC 23	<p>Mức khấu trừ: 0,1%/ngày</p> <p>Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị hợp đồng.</p>
ĐKC 24.1	<p>Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có).</p>
ĐKC 24.2	<p>Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc được giao tại kho của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương phải đảm bảo tối thiểu đúng theo quy định và đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng tại các điểm tiêm chủng. Trong trường hợp cần yêu cầu hạn sử dụng của thuốc khác

	<p>quy định nêu trên, căn cứ tình hình thực tế, Tổ liên ngành thỏa thuận với nhà thầu để thống nhất hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.</p> <p>- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc:</p> <p>+ Trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát hiện, Bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc;</p> <p>+ Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua, Nhà thầu phải có văn bản trả lời và đề xuất phương án tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc nếu liên quan đến trách nhiệm của nhà thầu.</p>
<p>ĐKC 26.1 (đ)</p>	<p>Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:</p> <p>- Trường hợp thuốc trúng thầu có thay đổi trong quá trình cung ứng thuốc, Chủ đầu tư/Đơn vị đàm phán giá được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc nhằm bảo đảm cung ứng đủ thuốc phục vụ kịp thời công tác khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>
<p>ĐKC 27.4</p>	<p>Các trường hợp khác: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có)</p>
<p>ĐKC 28.1 (d)</p>	<p>Các hành vi khác: Chi tiết khi thương thảo hợp đồng (nếu có)</p>

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 19. Thư chấp thuận HSDX và trao Thỏa thuận khung

Mẫu số 20. Thỏa thuận khung

Mẫu số 21. Hợp đồng

Mẫu số 22. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Bên mời thầu đã chấp thuận hồ sơ đề xuất, giá đề xuất thông qua đàm phán và trao thỏa thuận khung cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá trị thỏa thuận khung là *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện thỏa thuận khung và thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện thỏa thuận khung và thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết thỏa thuận khung với Bên mua, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện thỏa thuận khung: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện thỏa thuận khung]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện thỏa thuận khung]*;

- Thời gian ký kết thỏa thuận khung: ____ *[ghi thời gian ký kết thỏa thuận khung]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết thỏa thuận khung]*, gửi kèm theo Dự thảo thỏa thuận khung.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 22 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ yêu cầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ___ tháng ___ năm ___⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết thoả thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết thoả thuận khung hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo thoả thuận khung.

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

THỎA THUẬN KHUNG**Số:****V/v cung cấp thuốc****thuộc Gói thầu (theo quyết định được phê duyệt)***Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23/6/2023;**Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;**Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;**Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ Y tế quy định quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày .../.../..... của ...[Đơn vị có thẩm quyền]... về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ...[ghi tên gói thầu].... của[ghi tên đơn vị mua sắm tập trung]....;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày/...../..... của ...[ghi tên đơn vị mua sắm tập trung]... về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu ...[ghi tên gói thầu]....;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày .../.../..... của ...[ghi tên đơn vị mua sắm tập trung]... về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu...[ghi tên gói thầu].... ;**Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung của ...[ghi tên đơn vị mua sắm tập trung]....,**.....[Ghi thêm các căn cứ khác (nếu có)].....**Hôm nay, ngày tháng năm ... , tại ...[ghi tên địa điểm ký thỏa thuận khung]..., Chúng tôi gồm:***I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):**

Tên Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm (trường hợp được ủy quyền).

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc với số lượng thuốc trúng thầu.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày quy định trong hợp đồng. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương (Bên mua) gọi giao hàng, dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với Bên mua được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho nhu cầu sử dụng.

- Địa điểm giao hàng: Giao tại kho của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Đảm bảo hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc được giao tại kho của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương phải đảm bảo tối thiểu đúng theo quy định và đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng tại các điểm tiêm chủng. Trong trường hợp cần yêu cầu hạn sử dụng của thuốc khác quy định nêu trên, căn cứ tình hình thực tế, Tổ liên ngành thỏa thuận với nhà thầu để thống nhất hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có Giấy chứng nhận xuất xưởng của Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế cấp khi giao hàng cho mỗi lô hàng, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của Bên mua. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng theo tiến độ giao hàng của nhà thầu.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

- Điều kiện thanh toán: Chi phí thuốc được xem là đủ điều kiện thanh toán khi thuốc đã được giao đủ cho bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với Bên mua không được cao hơn giá trúng thầu đã được phê duyệt tại Quyết định

số ____ ngày __/__/__ của Giám đốc Trung tâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ____.

- Giá trần này được áp dụng trên toàn quốc 50 ngày kể từ ngày ký kết thỏa thuận khung.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ yêu cầu.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Trong vòng ... ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm, Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với Bên mua và gửi bản scan hợp đồng đã ký về Cục Y tế dự phòng và Trung tâm.

- Cung ứng đầy đủ số lượng thuốc, theo đúng tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng thuốc với đơn giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương VI, điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII, nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu, và hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với Bên mua.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Cục Y tế dự phòng về khả năng cung ứng, kế hoạch nhập hàng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc hàng tháng, quý theo hướng dẫn của Cục Y tế dự phòng và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

7. Trách nhiệm của Bên mua:

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận khung, theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày (thời gian thực hiện hợp đồng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận khung).

- Thanh toán và thanh lý hợp đồng với nhà thầu cung ứng thuốc theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, quy định tại Thỏa thuận khung và hợp đồng đã ký kết.

- Báo cáo Trung tâm trong trường hợp nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không ký hợp đồng.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh theo quy định.

- Thực hiện báo cáo theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế và hướng dẫn của Cục Y tế dự phòng.

8. Trách nhiệm của Cục Y tế dự phòng:

- Giám sát, chỉ đạo và hướng dẫn Bên mua thực hiện việc lập kế hoạch nhu cầu sử dụng, sử dụng và báo cáo tình hình sử dụng thuốc trúng thầu thông qua đàm phán giá theo thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết.

- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc cho Bên mua để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo quy định tại thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết và thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của Bên mua.

- Trường hợp nhà thầu không cung ứng thuốc đủ số lượng và đúng thời hạn theo kế hoạch tiếp nhận của Bên mua: Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên mua, Cục Y tế dự phòng thông báo cho Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia để Trung tâm phối hợp kiểm tra, đôn đốc nhà thầu cung cấp thuốc (trừ trường hợp Bên mua thanh toán chậm theo quy định).

10. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và Trang thông tin điện tử của Trung tâm.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận khung, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thỏa thuận khung cho Cục Y tế dự phòng và Bên mua.

- Phối hợp với Cục Y tế dự phòng giám sát, kiểm tra tình hình cung ứng thuốc của nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng theo quy định tại thỏa thuận khung, hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp với Cục Y tế dự phòng để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc và xử lý vi phạm của nhà thầu theo quy định (nếu có).

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong hồ sơ yêu cầu hoặc trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và hợp đồng ký kết với Bên mua có hiệu lực.

11. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở Bên mua ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu trúng thầu.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 45 ngày.

12. Xử phạt do vi phạm

Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐÀM PHÁN GIÁ

thaomp.ttms_Nguyen Phuong Thao_07/10/2024 18:55:41

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾**(Mua bán thuốc giữa các cơ sở y tế và nhà thầu trúng thầu)**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ (2) _____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);

- Căn cứ (2) _____ (Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội);

- Căn cứ (2) _____ (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của Bộ trưởng Bộ Y tế và thông báo chấp thuận HSDX và trao thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được ____ [ghi tên cơ sở y tế] và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mua (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mua [ghi tên bên mua]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ :

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*ghi tên nhà thầu trúng thầu*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Thỏa thuận khung;
3. Thư Chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao Thỏa thuận khung;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
6. Điều kiện chung của hợp đồng;
7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A⁽³⁾

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B⁽³⁾

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 15.1 ĐKCT Chương VII. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng: ___ [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT Chương VII. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ___ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.10 ĐKCT Chương VII – Điều kiện cụ thể của hợp đồng, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ___ bộ, Bên mua giữ ___ bộ, nhà thầu giữ ___ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**CỦA BÊN MUA**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và cơ sở y tế về việc không giao hàng đúng tiến độ, số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, sử dụng thuốc không đúng quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư này theo hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu và cơ sở y tế.]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSDX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1											
2											
3											
...											
Tổng cộng giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)											

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MUA

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Số:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Các cơ sở y tế thực hiện ký hợp đồng và thụ hưởng bảo lãnh
(theo danh sách phụ lục đính kèm).

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn: (*ghi số tiền*) như đã nêu trên, khi có văn bản của cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Bên mua xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo bảo lãnh thực hiện hợp đồng số..... ngày của Ngân hàng)

STT	Tên CSKCB	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
1			
2			
3			
...			
...			
Tổng			

Phần 4. PHỤ LỤC: BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT⁽¹⁾

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
I. Các tiêu chí đánh giá về chất lượng thuốc		
1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc⁽²⁾:	24	
1.1. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP		
a) Tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		24
b) Tại nước còn lại không thuộc điểm a mục này		22
1.2. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/S-GMP		20
1.3. Đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP:		
a) Được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và thuốc được gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam có cơ sở tham gia vào quá trình sản xuất thuốc trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất thuốc đặt gia công tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		24
b) Được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP và thuốc được gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam có cơ sở tham gia vào quá trình sản xuất thuốc trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất thuốc đặt gia công tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH.		22
c) Tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn WHO-GMP		21
1.4. Các trường hợp còn lại không thuộc mục 1.1, 1.2 và 1.3 nêu trên		19
2. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất tại⁽³⁾:	20	
2.1. Nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		20
2.2. Tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH		18
2.3. Tại Việt Nam và có cơ sở sản xuất thuốc trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất thuốc đặt gia công tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		20
2.4. Tại Việt Nam và có cơ sở sản xuất thuốc trước chuyển giao công nghệ hoặc cơ sở sản xuất thuốc đặt gia công tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH		18
2.5. Tại nước còn lại không thuộc mục 2.1, 2.2, 2.3 và 2.4		15
3. Tình hình vi phạm chất lượng của mặt hàng thuốc dự thầu⁽⁴⁾:	5	
3.1. Chưa phát hiện vi phạm về chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước		5
3.2. Có thông báo vi phạm về chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước		
a) Vi phạm chất lượng ở Mức độ 3		3

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
b) Vi phạm chất lượng ở Mức độ 2		0
4. Tình hình vi phạm chất lượng của cơ sở sản xuất mặt hàng thuốc dự thầu⁽⁵⁾:	5	
4.1. Không có thuốc vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước		5
4.2. Có 01 mặt hàng vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước		4
4.3. Có 02 mặt hàng vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước		3
4.4. Có từ 03 mặt hàng trở lên vi phạm chất lượng trong vòng 01 năm tính từ thời điểm đóng thầu trở về trước		0
5. Hạn dùng (Tuổi thọ) của thuốc⁽⁶⁾:	5	
5.1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu có tuổi thọ từ 03 năm trở lên		5
5.2. Mặt hàng thuốc tham dự thầu có tuổi thọ từ 02 năm đến dưới 03 năm		4
5.3. Mặt hàng thuốc tham dự thầu có tuổi thọ dưới 02 năm		3
6. Tiêu chí đánh giá về nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất mặt hàng thuốc tham dự thầu⁽⁷⁾:	3	
6.1. Nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất tại các nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA		3
6.2. Nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất tại các nước khác không thuộc danh sách SRA hoặc EMA được cấp chứng nhận CEP		3
6.3. Các trường hợp khác		2
7. Tiêu chí đánh giá về tương đương sinh học của thuốc, thuốc thuộc danh mục sản phẩm quốc gia, thuốc được giải thưởng “Ngôi sao thuốc Việt” của Bộ Y tế⁽⁸⁾:	5	
7.1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có tài liệu chứng minh tương đương sinh học hoặc thuốc thuộc danh mục biệt dược gốc, thuốc tương đương điều trị với thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố		5
7.2. Mặt hàng thuốc tham dự thầu thuộc trường hợp không thử tương đương sinh học do sẵn có đặc tính tương đương sinh học với thuốc đối chứng theo quy định		5
7.3. Mặt hàng thuốc tham dự thầu thuộc Danh mục sản phẩm quốc gia		5
7.4. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được giải thưởng “Ngôi sao thuốc Việt” của Bộ Y tế		5
7.5. Các trường hợp khác		3
8. Mặt hàng thuốc được sản xuất từ nguyên liệu kháng sinh sản xuất trong nước (Không đánh giá đối với thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền):	3	

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
8.1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất từ nguồn nguyên liệu kháng sinh sản xuất trong nước		3
8.2. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất từ nguồn nguyên liệu không phải là kháng sinh sản xuất trong nước hoặc thuốc dự thầu không phải thuốc kháng sinh		2
9. Mặt hàng thuốc tham dự thầu là thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (Không đánh giá đối với thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm):	3	
9.1. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất từ dược liệu có chứng nhận đạt GACP		3
9.2. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất trên cơ sở nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp Bộ và cấp tỉnh		3
9.3. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất từ dược liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng		2
9.4. Mặt hàng thuốc tham dự thầu được sản xuất từ dược liệu không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ rõ ràng		0
II. Các tiêu chí đánh giá về đóng gói, bảo quản, giao hàng	30	
10. Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi cơ sở ⁽⁹⁾:	5	
10.1. Là doanh nghiệp sản xuất mặt hàng thuốc dự thầu		5
10.2. Là doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp mặt hàng thuốc dự thầu		4
10.3. Không phải doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu trực tiếp mặt hàng thuốc dự thầu		3
11. Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có kinh nghiệm cung ứng thuốc ⁽¹⁰⁾	5	
11.1. Đã cung ứng thuốc cho cơ sở y tế từ 03 năm trở lên		5
11.2. Đã cung ứng thuốc cho cơ sở y tế dưới 03 năm		4
11.3. Chưa cung ứng thuốc cho cơ sở y tế		3
12. Khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà thầu về điều kiện giao hàng ⁽¹¹⁾	5	
12.1. Đáp ứng được yêu cầu về điều kiện giao hàng tại hồ sơ mời thầu		5
12.2. Không đáp ứng được yêu cầu về điều kiện giao hàng tại hồ sơ mời thầu		0
13. Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng ⁽¹²⁾	10	
13.1. Nhà thầu có vi phạm trong thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế đã được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia		8
13.2. Nhà thầu đã trúng thầu tại đơn vị		
a) Cung ứng thuốc bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		10
b) Cung ứng thuốc không bảo đảm tiến độ theo hợp đồng		8
13.3. Nhà thầu chưa trúng thầu tại đơn vị		8

Tiêu chí	Mức điểm	Điểm chi tiết
14. Mặt hàng thuốc tham dự thầu bởi nhà thầu có hệ thống phân phối, cung ứng rộng khắp tại các địa bàn miền núi, khó khăn ⁽¹³⁾:	5	
14.1. Nhà thầu có hệ thống phân phối, cung ứng rộng khắp trên địa bàn tỉnh (chỉ áp dụng đối với các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Kon Tum, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Gia Lai, Phú Yên, Hoà Bình, Tuyên Quang)		5
14.2. Các trường hợp khác		4

Ghi chú:

(1) Thuốc đáp ứng nhiều mục trong một tiêu chí thì chỉ chấm điểm theo mục có mức điểm cao nhất mà thuốc đạt được.

(2) Trường hợp thuốc dự thầu có nhiều cơ sở cùng tham gia quá trình sản xuất thuốc thì căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất có tiêu chuẩn thấp nhất để đánh giá điểm. Đối với thuốc nước ngoài gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam thì căn cứ nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất thuốc gia công, chuyển giao công nghệ.

(3) Căn cứ vào thông tin về các thuốc được cấp phép lưu hành đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>) và thông tin trên các công văn, quyết định phê duyệt của Cục Quản lý Dược.

(4), (5) Căn cứ vào thông tin về các thuốc và cơ sở sản xuất thuốc có vi phạm chất lượng do Cục Quản lý Dược ra quyết định thu hồi, công văn thông báo thu hồi được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>). Mức độ vi phạm về chất lượng thuốc được quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật dược ngày 06 tháng 4 năm 2016.

(6) “Hạn dùng của thuốc là thời gian sử dụng được ấn định cho một lô thuốc mà sau thời hạn này thuốc không được phép sử dụng” (theo quy định tại khoản 31 Điều 2 Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016). Ví dụ: Thuốc ghi trên nhãn có ngày sản xuất là ngày 11 tháng 02 năm 2006, ngày hết hạn là ngày 11 tháng 02 năm 2011 thì hạn sử dụng (hay tuổi thọ) của thuốc là 05 năm.

(7) Căn cứ vào danh sách các thuốc được sản xuất từ nguyên liệu (hoạt chất) sản xuất.

(8) Căn cứ vào danh sách các thuốc có tài liệu chứng minh tương đương sinh học được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>).

(9) Căn cứ vào tờ khai hàng hóa nhập khẩu của mặt hàng dự thầu.

(10) Căn cứ vào thông báo trúng thầu, hợp đồng mua bán thuốc, hóa đơn bán thuốc cho các cơ sở y tế mà nhà thầu đang dự thầu hoặc cho các cơ sở y tế khác mà nhà thầu đã cung ứng trên toàn quốc.

(11) Nhà thầu cần nêu rõ trong hồ sơ đề xuất việc đáp ứng/không đáp ứng được yêu cầu của Bên mời thầu/cơ sở y tế về điều kiện giao hàng, số lượng thuốc theo yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu (thực hiện theo hướng dẫn tại Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về

kỹ thuật của thuốc tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp).

(12) Việc đánh giá nội dung này phải căn cứ vào một trong các thông tin sau:

- Thông tin về việc vi phạm trong cung ứng thuốc của các nhà thầu tại các cơ sở y tế trên toàn quốc được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Việc thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc giữa nhà thầu và cơ sở y tế.

(13) Chỉ áp dụng cho các gói thầu của các cơ sở y tế thuộc địa bàn các tỉnh trong danh sách. Căn cứ vào thực trạng tình hình cung ứng thuốc của từng địa phương, Sở Y tế xác định cụ thể tiêu chí các nhà thầu có hệ thống phân phối đáp ứng việc cung ứng thuốc tại địa phương để chấm điểm (Tiêu chí này không được hiểu là chấm điểm cho các nhà thầu có hệ thống phân phối, cung ứng tại tất cả các tỉnh trong danh sách mà chấm điểm cho nhà thầu có hệ thống phân phối rộng khắp đảm bảo việc cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế tại địa bàn tỉnh tham dự thầu).